

THÔNG BÁO

V/v: Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa

Căn cứ:

- Biên bản họp của Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro vào ngày 08/04/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng xin trân trọng thông báo đến Quý khách hàng về việc thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa hiện tại như sau:

1. Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa:

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSĐB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	12,670	6,890	HOSE
2	ACL	CTCP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	14,230	9,000	HOSE
3	ADS	CTCP Damsan	11,160	7,570	HOSE
4	ANV	CTCP Nam Việt	26,000	13,300	HOSE
5	ASM	CTCP Tập đoàn Sao Mai	12,220	6,330	HOSE
6	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	92,690	61,000	HOSE
7	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	67,730	42,000	HOSE
8	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô thị Dầu Khí Cửu Long	10,330	6,110	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
9	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18,200	11,250	HOSE
10	CMG	CTCP tập đoàn công nghệ CMC	59,800	31,000	HOSE
11	CSM	Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam	17,810	11,100	HOSE
12	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	61,750	30,650	HOSE
13	CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	103,870	69,100	HOSE
14	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	165,100	79,400	HOSE
15	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	37,700	23,600	HOSE
16	DC4	CTCP Xây dựng DIC Holdings	16,800	11,550	HOSE
17	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	47,060	26,600	HOSE
18	DGW	CTCP Thế giới số	49,140	30,900	HOSE
19	DIG	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng	23,000	16,050	HOSE
20	DL1	CTCP Tập đoàn Alpha Seven	6,600	5,600	HNX
21	DPR	CTCP Cao su Đồng Phú	51,350	37,400	HOSE
22	DRC	CTCP Cao su Đà Nẵng	41,210	21,500	HOSE
23	DTA	CTCP Đệ Tam	5,250	4,360	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
24	DTD	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	33,000	15,200	HNX
25	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	8,570	5,710	HOSE
26	FMC	CTCP Thực phẩm Sao Ta	61,100	37,950	HOSE
27	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	26,190	14,250	HOSE
28	GMD	CTCP Gemadept	79,430	45,350	HOSE
29	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	46,800	25,750	HOSE
30	HDC	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	31,260	22,500	HOSE
31	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	36,660	21,150	HOSE
32	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	4,000	2,730	HOSE
33	HRC	CTCP Cao su Hòa Bình	43,950	32,150	HOSE
34	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	63,440	38,350	HOSE
35	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	12,460	8,290	HOSE
36	HVH	CTCP Đầu tư và Công nghệ HVC	16,570	10,650	HOSE
37	IDC	Tổng công ty IDICO - CTCP	75,500	38,100	HNX
38	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	12,410	5,990	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
39	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	35,000	23,800	HOSE
40	KSB	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	25,150	15,000	HOSE
41	LHG	CTCP Long Hậu	45,690	27,850	HOSE
42	MSH	CTCP May Sông Hồng	78,260	47,250	HOSE
43	NAF	CTCP Nafoods Group	26,780	18,200	HOSE
44	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	31,980	20,650	HOSE
45	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	18,850	10,800	HOSE
46	NKG	CTCP Thép Nam Kim	28,400	12,300	HOSE
47	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	54,200	27,850	HOSE
48	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	28,530	13,200	HOSE
49	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	10,650	7,780	HOSE
50	PAN	CTCP Tập đoàn PAN	36,400	21,900	HOSE
51	PET	Tổng CTCP Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	34,450	17,950	HOSE
52	PGN	CTCP Phụ Gia Nhựa	13,400	10,900	HNX
53	PHR	CTCP Cao su Phước Hòa	77,480	50,700	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
54	PIC	CTCP Đầu tư Điện lực 3	25,700	21,900	HNX
55	PVD	Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí	35,420	17,900	HOSE
56	SAM	CTCP SAM Holdings	7,680	6,000	HOSE
57	SCR	CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	6,000	5,450	HOSE
58	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	93,340	55,800	HOSE
59	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	94,250	69,300	HOSE
60	SKG	CTCP Tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang	15,010	9,630	HOSE
61	SVN	CTCP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	3,300	4,600	HNX
62	SVT	CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	15,860	11,450	HOSE
63	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	55,700	33,700	HOSE
64	TCM	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	60,000	29,850	HOSE
65	TDG	CTCP Đầu tư TDG Global	4,320	3,340	HOSE
66	TEG	CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	8,320	5,410	HOSE
67	THG	CTCP đầu tư và xây dựng Tiền Giang	74,750	50,800	HOSE
68	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	14,950	8,100	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
69	TLG	CTCP tập đoàn Thiên Long	78,000	46,050	HOSE
70	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	32,400	16,200	HNX
71	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	110,370	63,500	HOSE
72	VC7	CTCP Tập đoàn BGI	11,660	7,500	HNX
73	VDS	CTCP chứng khoán Rồng Việt	28,400	15,250	HOSE
74	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	68,380	39,400	HOSE
75	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	89,830	50,700	HOSE
76	VOS	CTCP Vận tải Biển Việt Nam	17,700	12,050	HOSE
77	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	18,130	9,860	HOSE
78	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	11,740	11,250	HOSE
79	VTO	CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco	19,300	11,550	HOSE
80	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	184,600	108,200	HOSE
81	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	14,280	11,150	HOSE

2. Thời gian áp dụng

- Từ ngày 09/04/2025: Áp dụng giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa mới

Trân trọng.